

Bản án số: 51/2024/HSST

Ngày: 17/12/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐIỆN BIÊN PHỦ, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Định**.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lò Văn Hoan**

Bà **Cao Thị Hồng Minh**

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thương Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở UBND xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ xét xử sơ thẩm công khai lưu động vụ án hình sự thụ lý số 27/2024/TLST - HS, ngày 01 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST- HS ngày 05 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lò Văn N**; tên gọi khác: Không có tên gọi khác, sinh ngày 10 tháng 12 năm 1998 tại Điện Biên; nơi thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản Vang, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Khơ Mú; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 09/12; con ông Lò Văn K (Đã chết) và bà Lò Thị M; bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: Bị cáo có 02 tiền án, cụ thể: Năm 2022, bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 01 năm tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Ngày 29/12/2022, chấp hành xong toàn bộ bản án. Năm 2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 18/01/2024, đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giam từ ngày 12/9/2024 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Chị Lò Thị U, sinh năm 1983; địa chỉ: Bản V, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị X, sinh năm 1967; địa chỉ: Bản P, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 10/9/2024, Lò Văn N một mình đi bộ đến nhà chị Lò Thị U thuộc bản V, xã P, thành phố Đ để tìm tài sản trộm cắp. Thấy nhà chị U đã tắt điện ngủ, N đi kiểm tra xung quanh nhìn thấy cửa sổ phía bên phải, theo hướng từ cửa chính vào chỉ khép hờ, không có song chắn, không chốt phía trong, cách mặt đất 1,38m. N mở cửa sổ trèo vào trong nhà rồi đẩy cửa phòng ngủ đang khép cửa hờ, đi vào trong thì thấy chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 màu đen, bên trong lắp sim V có số thuê bao 0988026089 của chị U đang cắm dây sạc ở dưới nền nhà, cạnh đệm chị U đang nằm ngủ. N rút điện thoại ra khỏi dây sạc, cho vào túi áo khoác bên phải đang mặc rồi đi ra ngoài theo lối cũ. Sau khi chiếm đoạt được chiếc điện thoại, N mang đến nhà bà Lương Thị X ở bản P, xã N, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên nói dối là điện thoại của N và bán cho bà X với giá 300.000đồng. Số tiền bán điện thoại N đã chi tiêu cá nhân hết.

Vật chứng, vật tạm thu, tạm giữ gồm: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 màu đen, bên trong lắp sim Viettel số thuê bao 0988026089 do bà Lương Thị X giao nộp.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL ngày 11/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 màu đen, bên trong lắp sim Viettel số thuê bao 0988026089 đã qua sử dụng; chất lượng còn lại 95% có giá 2.185.000 đồng.

Quá trình điều tra, cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Điện Biên đã trả lại cho chủ sở hữu là chị Lò Thị U chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 màu đen, bên trong lắp sim Viettel số thuê bao 0988026089 (Theo Quyết định xử lý vật chứng số 1582 ngày 17/9/2024).

Trách nhiệm dân sự: Chị Lò Thị U đã nhận lại chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 màu đen, bên trong lắp sim Viettel số thuê bao 0988026089. Chị U không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bà Lương Thị X bỏ số tiền 300.000 đồng mua điện thoại, bà X không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền này.

Cáo trạng số 185/CT-VKSTPĐBP ngày 30/10/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố ra trước Toà án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ để xét xử bị cáo Lò Văn N về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố khẳng định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ Điều 38; điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lò Văn N từ 02 năm 04 tháng đến 02 năm 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Lò Thị U đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bà Lường Thị X không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000 đồng nên không đề nghị giải quyết.

Về án phí: Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện Kiểm sát; không có lời bào chữa, không có ý kiến tranh luận về việc giải quyết vụ án.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua tranh tụng và xét hỏi tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91 của chị Lò Thị U; lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở xác định:

Khoảng 03 giờ ngày 10/9/2024, tại bản Vang, xã P, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên. Lò Văn N đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt tài sản của chị Lò Thị U, trị giá 2.185.000 đồng, mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Lò Văn N phạm tội trong trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng "Tái phạm nguy hiểm" quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự, cụ thể: Năm 2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh Điện Biên căn cứ khoản 1 Điều 173; khoản 2 Điều 47; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều

52 và Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt 09 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản", tại Bản án số 143/2023/HSST ngày 10/7/2023.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, vì vậy, khẳng định Viện kiểm sát nhân dân thành phố Điện Biên Phủ truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[2] Xét về tính chất, mức độ, động cơ hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng: Bị cáo là người có nhận thức pháp luật, lười lao động nhưng muốn có tiền để chi tiêu cá nhân nên đã cố ý phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, đồng thời làm ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương cần phải xử lý nghiêm.

[3]. Về nhân thân; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị Tòa án xét xử bằng 02 Bản án, chưa được xóa án tích. Tại phiên tòa thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung trên địa bàn.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng". Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định, không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt này đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Lò Thị U đã nhận lại tài sản là chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO A91, màu đen, bên trong lắp sim Viettel số thuê bao 0988026089. Chị U không yêu cầu bị cáo bồi thường. Bà Lường Thị X không yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 300.000 đồng đã bỏ ra mua điện thoại. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Án phí, quyền kháng cáo và các vấn đề khác:

- Bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và

điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm đối với bị cáo.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Bà Lương Thị X mua điện thoại nhưng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có nên không có cơ sở để xử lý. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh, hình phạt: Căn cứ g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Lò Văn N** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lò Văn N 02 (Hai) năm 04 (Bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12 tháng 9 năm 2024.

2. Án phí: Căn cứ Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm đối với Lò Văn N.

3. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 17/12/2024); bị hại có quyền kháng cáo Bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần Bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Điện Biên;
- TAND tỉnh Điện Biên;
- Sở tư pháp;
- VKSND thành phố ĐBP;
- CA thành phố ĐBP;
- CQ. THAHS;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS TP ĐBP;
- Nhà TG;

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- BP. HSNV;
- Cơ quan CSĐTCA thành phố ĐBP;
- Bị cáo; bị hại; người có QLNVLQ;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án;

Nguyễn Văn Định